

Số: 71 /BC-VP

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 5 năm 2016

BÁO CÁO
Công tác dân tộc giai đoạn 2010-2015

Thực hiện Văn bản số 130-CV/BDVTU ngày 05/5/2016 của Ban Dân vận Tỉnh ủy về việc báo cáo công tác dân tộc, Văn phòng UBND tỉnh báo cáo như sau:

Phần thứ nhất

Đặc điểm tình hình chung

I. Thực trạng phát triển kinh tế xã hội:

Hà Tĩnh có tổng số 126 xã miền núi/262 xã, phường, thị trấn, trong đó có 57 xã đặc biệt khó khăn, 89 thôn đặc biệt khó khăn thuộc 30 xã khu vực 2 được thụ hưởng chương trình 135 của Chính phủ. Dân số miền núi Hà Tĩnh có 554.076 người, trong đó có 463 hộ, 1.852 khẩu đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các tộc người: Chứt, Mường, Mán, Lào, đang sinh sống tại 7 thôn, bản trên địa bàn 7 xã thuộc 3 huyện miền núi Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang. Trong những năm qua được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước thông qua các Chương trình, dự án, chính sách đầu tư... đối với miền núi và đồng bào dân tộc đã có những tác động tích cực đến kinh tế, đời sống, văn hóa xã hội của vùng, kết cấu hạ tầng được tăng cường, chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng tiến bộ, sản xuất hàng hóa từng bước được hình thành. Tuy nhiên, do đặc điểm của miền núi dân tộc diện tích đất nông nghiệp ít, độ dốc lớn, thủy lợi khó khăn... và nguồn vốn còn ít, trình độ dân trí đồng bào dân tộc còn thấp, kỹ thuật công tác lạc hậu nên chưa tạo được bước chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các bản dân tộc ít người.

1. Về sản xuất và đời sống

a. *Về sản xuất*: Nhìn chung thời tiết thuận lợi, các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhân dân tinh nhuệ nói chung, vùng đồng bào dân tộc miền núi nói riêng tương đối thuận lợi, tuy nhiên do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, sự biến động khó lường về giá cả một số mặt hàng thiết yếu, nên nhìn chung đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn... nhưng được sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của các cấp uỷ, chính quyền, cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức từ thiện nên tình hình đời sống của đồng bào vùng dân tộc miền núi cơ bản ổn định, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

b. *Về đời sống*: Tỷ lệ hộ nghèo ở vùng dân tộc thiểu số là 100%; tại các xã đặc biệt khó khăn còn cao (trên 20% tỷ lệ hộ nghèo); các chính sách an sinh xã hội được các ngành, các cấp quan tâm chỉ đạo triển khai kịp thời hỗ trợ cải thiện đời sống của đồng bào vùng dân tộc và miền núi

Tình hình thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng đến đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số: không có

2. Về văn hóa – xã hội:

- Mức độ thụ hưởng văn hóa, văn nghệ, tiếp cận thông tin, báo chí: Thời gian qua, các chính sách hỗ trợ tiếp cận các loại báo chí như báo dân tộc thiểu số, miền núi và một số các loại báo giấy khác. Tuy vậy, do trình độ dân trí, việc đọc, viết của đồng bào dân tộc nơi đây gặp rất nhiều khó khăn.

- Việc duy trì tiếng nói, trang phục, phong tục tập quán dân tộc: Các phong tục tập quán tốt đẹp, trang phục và tiếng nói được duy trì.

- Các lễ hội truyền thống và việc duy trì các lễ hội: Do đời sống các hộ đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, mặt khác số lượng hộ không đáng kể nên các ngày lễ hội của đồng bào chủ yếu được thực hiện ở một số hộ nhằm tưởng nhớ đến công ơn của dòng tộc, thần linh...(như lễ hội Chăm ba Bối, tết Láp Lỗ ở đồng bào Dân tộc Chứt, bản Rào Tre, xã Hương Liên)

- Công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc: Cấp ủy, chính quyền từ huyện đến xã thường xuyên quan tâm nhằm bảo tồn và phát huy tốt bản sắc của đồng bào dân tộc Chứt.

3. Về quốc phòng – an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội và an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh nói chung, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng cơ bản ổn định; các vụ việc phát sinh được chủ động giải quyết kịp thời. Không có người nghiện hút, tham gia các tệ nạn xã hội như: Cờ bạc, buôn bán hàng cấm, hàng lậu, khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép, buôn bán phụ nữ và trẻ em,...

Phản thứ hai

Những kết quả đạt được

1. Kết quả trên từng lĩnh vực

1.1 Tình hình thiếu đất sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, nước sản xuất, tình hình đói nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số; công tác xóa đói giảm nghèo, bố trí đất sản xuất, nước sinh hoạt, nước sản xuất giai đoạn 2011-2015

a. Về hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt Thực hiện Quyết định 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, UBND tỉnh xây dựng các văn bản, thủ tục liên quan và thông kê nhu cầu vốn thực hiện để báo cáo Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành trung ương, tổng nhu cầu kinh phí 144 tỷ đồng hỗ trợ cho 9.630 hộ xây dựng bể chứa nước phân tán và hỗ trợ đất sản xuất cho 2.250 hộ; năm 2016 được cấp 1.337 triệu đồng UBND tỉnh đã phân bổ cho 03 huyện Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang thực hiện hỗ trợ nước sinh hoạt và nông cụ sản xuất (Quyết định 48/QĐ-UBND ngày 08/01/2016 của UBND tỉnh).

b. Công tác xóa đói giảm nghèo

Các chính sách dân tộc thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2011-2015.

Giai đoạn 2011-2015 tỉnh thực hiện các chính sách dân tộc do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành như: Chương trình 135 giai đoạn 2 kéo dài hai năm 2011, 2012; Thực hiện Quyết định 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ

trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn 2013-2015 (Chương trình 135 giai đoạn 3); Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định 193/QĐ-TTg, Quyết định 1776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách hỗ trợ hộ nghèo vùng khó khăn theo Quyết định 102/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ; Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg, Quyết định 56/2013/QĐ-TTg sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 18/QĐ-TTg.

- Ngoài những chính sách của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh ban hành chính sách đặc thù của địa phương: Đề án bảo tồn và phát triển đồng bào dân tộc Chứt, Bản Rào Tre, Xã Hương Liên, huyện Hương Khê.

Kết quả thực hiện các chương trình cụ thể:

Chương trình 135.

- Kế hoạch nguồn vốn: 397.757 triệu đồng.
- Số vốn đã giải ngân: 397.757 triệu đồng đạt 100% so với kế hoạch giao.
- Khối lượng, mục tiêu đạt được:

Dự án Hỗ trợ Phát triển sản xuất:

Tổng kinh phí thực hiện Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2011-2015 là 58.700,0 triệu đồng.

- Tổng kinh phí đã giải ngân hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo là 58.700,0 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi, vật tư sản xuất: 41.016,9 triệu đồng cho 28.188 lượt hộ, trong đó:

- Hỗ trợ giống cây nông nghiệp: 20.130,0 triệu đồng cho 8.808 lượt hộ;
- Hỗ trợ giống cây lâm nghiệp: 3.204,8 triệu đồng cho 1.424 lượt hộ;
- Hỗ trợ giống chăn nuôi: 11.412,1 triệu đồng cho 6.196 lượt hộ;
- Hỗ trợ vật tư sản xuất: 6.270,0 triệu đồng cho 11.760 lượt hộ.
- Hỗ trợ trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm: 7.065,0 triệu đồng cho 1.819 lượt hộ.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất, hiệu quả tiên tiến: 7.890,0 triệu đồng cho 1.940 lượt hộ.

- Hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản: 1.206,0 triệu đồng cho 603 lượt hộ.

- Hỗ trợ nâng cao kiến thức sản xuất, kiến thức về thị trường cho nông dân: 1.455,0 triệu đồng cho 3.880 lượt hộ.

- Chi phí khác (Quản lý chỉ đạo): 67,0 triệu đồng.

Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng:

Tổng vốn đầu tư cho giai đoạn là 317.080 triệu đồng, kết quả giải ngân 317.080 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100% kế hoạch.

- Công trình đầu tư tại xã, đã làm được:

+ Giao thông: 125,968 km đường và 25 cầu, cống các loại.

+ Thủy lợi: 7,2 km kênh mương bê tông.

+ Trường học: 16 trường học (gồm nhà mầm non, trường tiểu học và trung học cơ sở). Trạm y tế: 2 trạm y tế. Nhà sinh hoạt cộng đồng: 60 nhà của xã và các thôn bản. Chợ nông thôn 1 công trình.

- *Công trình đầu tư tại thôn bản, đã làm được:*

+ Giao thông: 36,75km đường và cầu, cống trên đường.

+ Thủy lợi: 1,84 km kênh mương bê tông.

+ Trường học: 1 trường.

+ Nhà sinh hoạt cộng đồng: 54 nhà.

Duy Tu bão dưỡng: Tổng kinh phí 17.705 triệu đồng, giải ngân 17.705 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch đã duy tu được 290 công trình: đường giao thông, kênh mương, trạm xá, trường học... do xã quản lý theo đúng quy định.

Dự án đào tạo cán bộ cơ sở và cộng đồng năm 2011:

- Số vốn kế hoạch 3.690 triệu đồng và vốn thực hiện 3.690 triệu đồng, kết quả giải ngân 3.690 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100 % so với kế hoạch;

- Mở được 80 lớp đào tạo cán bộ xã, thôn bản, 228 lớp tập huấn cộng đồng dân cư tại các huyện và tổ chức 5 đợt tập huấn, tham quan mô hình các tỉnh bạn với tổng 46.733 lượt người tham gia.

- Nội dung đào tạo: Các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước đối với đồng bào Dân tộc và miền núi, các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2 của các bộ ngành Trung ương và của tỉnh.

- Đối tượng đào tạo là cán bộ xã, thôn bản, thực hiện 11 chuyên đề theo quy định tại Quyết định 04/2007/QĐ-UBDT và các chuyên đề đặc thù của địa phương.

+ Đối tượng cộng đồng thực hiện 7 chuyên đề theo quy định tại Quyết định 04/2007/QĐ-UBDT và các chuyên đề đặc thù của địa phương.

- Hình thức tổ chức đào tạo: Hình thức đào tạo tập trung ngắn hạn (từ 3 đến 4 ngày), giảng viên và tài liệu đối với đào tạo cán bộ cấp xã do cán bộ chủ chốt các sở, ngành, trực tiếp biên soạn và giảng dạy; đối với đào tạo cộng đồng do các cán bộ chủ chốt các phòng ban của huyện trực tiếp biên soạn và giảng dạy.

Kinh phí quản lý. Kinh phí quản lý, chỉ đạo của các ngành, huyện là 396 triệu đồng, giải ngân 396 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

Hỗ trợ hộ nghèo vùng khó khăn theo Quyết định 102/QĐ-TTg:

Kinh phí hỗ trợ giai đoạn 2011-2015 là 51.417 triệu đồng thực hiện hỗ trợ bằng hiện vật (giống cây trồng, bột canh iốt) cho 270.515 khẩu nghèo thuộc vùng khó khăn (khối lượng giống cây trồng 1.315 tấn, bột canh iốt 1.051 tấn), kinh phí giải ngân đạt 100% kế hoạch, thông qua hỗ trợ giống cây trồng cho các khẩu thuộc hộ nghèo vùng khó khăn đã khuyến khích bà con phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập từng bước thoát nghèo.

Thực hiện Quyết định 2472/QĐ-TTg:

UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, Ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện các nội dung theo Quyết định số 2472/QĐ-TTg đến tận các xã, thôn bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh. Hàng năm đã cấp phát 23 đầu báo, tạp chí không thu tiền cho các đối tượng thụ hưởng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giúp đồng bào trang bị những kiến thức cơ bản, kịp thời cập nhật thông tin phục vụ công tác tuyên truyền, đưa các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến với nhân dân.

Thực hiện Quyết định 56/2013/QĐ-TTg ngày 7/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số: Các cá nhân được công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ các chính sách như: cấp báo, tạp chí dân tộc thiểu số và miền núi, cấp ủy chính quyền địa phương hỗ trợ vật chất và tinh thần nhân dịp các ngày lễ tết, thăm hỏi người có uy tín khi đau ốm, gia đình gặp khó khăn do hậu quả của thiên tai, thăm viếng người thân trong gia đình bị chết, năm 2015 tỉnh đã thành lập Đoàn người có uy tín đi tham quan, học tập kinh nghiệm các tỉnh miền núi phía Nam.

Đề án phát triển đồng bào dân tộc Chứt: Năm 2014, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2571/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 về việc phê duyệt đề án phát triển đồng bào dân tộc Chứt, xã Hương Liên, huyện Hương Khê. Theo đó các ngành và địa phương, UBND huyện đã và đang triển khai thực hiện các nội dung của đề án, bao gồm: Hỗ trợ đời sống, phát triển sản xuất, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đến nay bước đầu Đề án đã thực hiện được một số nội dung quan trọng như xây dựng hạ tầng đường giao thông vào bản mới, các mô hình sản xuất, chăn nuôi có hiệu quả, nguồn Ngân sách tỉnh bố trí 15 tỷ đồng thực hiện Đề án.

2. Công tác quy hoạch, bố trí sắp xếp cán bộ người dân tộc thiểu số

Toàn tỉnh hiện nay có 51 cán bộ là người dân tộc thiểu số đang làm việc tại cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp; những cán bộ này được quan tâm tạo điều kiện để học tập nâng cao trình độ và được bổ nhiệm vào các chức danh cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý các cấp.

3 Kết quả dạy nghề cho lao động là người dân tộc thiểu số:

Tổng số lao động người dân tộc thiểu số được học nghề giai đoạn 2010-2015 là 50 người, riêng số lao động thuộc bản Rào Tre là 35 người trong đó lao động nữ là 16 người, trong đó có 02 học sinh đang học nghề tại Trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh .

Năm 2015, Sở Lao động – thương binh và Xã hội chỉ đạo Trường Trung cấp nghề phối hợp với phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện Hương khê, Trạm Biên phòng bản Rào Tre tổ chức tư vấn, khảo sát nhu cầu và mở lớp đào tạo nghề cho đồng bào dân tộc tại bản Rào Tre, xã Hương Liên, với các sản

như chồi đót, chồi giang, mây sơ chế... Trường trung cấp nghề Hà Tĩnh đã có cam kết bao tiêu trong giai đoạn đầu và hướng dẫn người lao động tiêu thụ sản phẩm về lâu dài. Sau đào tạo, một số ít học viên tự tổ chức sản xuất tại các gia đình, địa phương.

II. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm

1 Khó khăn hạn chế:

- Nguồn lực để thực hiện các chính sách dân tộc còn thiếu và yếu.
 - Các Văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách của Bộ, ngành Trung ương còn chậm, một số văn bản hướng dẫn chưa phù hợp với Luật và các Văn bản quy định thực hiện của cấp trên như Thông tư liên tịch số 05 hướng dẫn thực hiện chương trình 135.
 - Một số chính quyền cấp cơ sở chưa thực sự quan tâm, làm hết trách nhiệm trong triển khai thực hiện chính sách dân tộc ở địa phương mình.

2. Nguyên nhân:

- Chính sách dân tộc được triển khai trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, nguồn vốn đầu tư hạn chế nên việc thực hiện các nhiệm vụ của chính sách thiểu đồng bộ, nhiều mục tiêu chưa đạt được
 - Xuất phát điểm của các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn thấp.
 - Một số địa phương, đồng bào dân tộc còn thụ động, ỷ lại, trông chờ vào sự đầu tư của Nhà nước, chưa phát huy tiềm năng lợi thế nội lực gắn kết quyền lợi và trách nhiệm người dân thu hưởng.

3. Bài học kinh nghiệm:

Cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp phải cụ thể hóa Nghị quyết thành những chính sách, chương trình hành động, kế hoạch cụ thể, đồng bộ và thống nhất. Trong quá trình thực hiện cần có sự phân công, phân cấp, làm rõ trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Thường xuyên quan tâm tới công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào, nắm chắc diễn biến tâm tư tình cảm của đồng bào, phát huy dân chủ cơ sở, giải quyết tốt những bức xúc của đồng bào, nâng cao ý thức tự lực, tự cường và tạo lập niềm tin cho đồng bào.

Để giải quyết cơ bản vấn đề đói nghèo, các địa phương cần quan tâm làm tốt công tác quy hoạch, bố trí sắp xếp dân cư, thực hiện phát triển sản xuất bền vững. Lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư có trọng điểm, xây dựng các mô hình về phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường.

Các Sở, ngành cần phối kết hợp chặt chẽ trong việc lồng ghép chính sách trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số.

Coi trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số. Xây dựng lực lượng cốt cán, phát huy vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số như trưởng thôn, bản, trưởng dòng họ, người có uy tín.

Tập trung nguồn lực đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí gắn với đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số.

III. Nhiệm vụ trọng tâm công tác dân tộc thời gian tới

1. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương, của tinh về công tác dân tộc; tập trung quyết liệt việc triển khai thực hiện Đề án phát triển dân tộc Chứt, bản rào tre, xã Hương Liên để nhân rộng trên địa bàn.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác vận động quần chúng giúp đỡ bà dân đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nếp sống văn minh, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, ảnh hưởng đến đời sống tinh thần bà con dân bản.

3. Tập trung các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và đời sống cho bà con vùng đồng bào dân tộc

4. Đầu mạnh thực hiện phong trào “Quần chúng tham gia tự quản đường biên, mốc giới và an ninh trật tự thôn, bản khu vực biên giới” nòng cốt là lực lượng biên phòng, nhân dân vùng biên giới, đồng bào dân tộc thiểu số sống vùng biên..; kiên quyết đấu tranh với các loại tội phạm thuộc tuyến biên giới.

5. Tăng cường mối quan hệ đoàn kết gắn bó giữa cấp uỷ, chính quyền địa phương với các đồn biên phòng, bà con dân bản; tổ chức các hoạt động hướng về biên giới; tập trung chỉ đạo đầu mạnh các hoạt động phối hợp, giao lưu kết nghĩa, đỡ đầu bà con dân bản; kiểm soát các loại dịch bệnh, nhất là bệnh truyền nhiễm.

6. Tăng cường chỉ đạo cán bộ về tận các thôn bản, tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước cho đồng bào dân tộc thiểu số; hướng dẫn kỹ thuật canh tác, chăm sóc cây trồng, vật nuôi, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; thu hoạch, bảo quản sản phẩm.

7. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể; tranh thủ sự giúp đỡ của các sở ngành cấp tỉnh, nhất là Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, Tỉnh đoàn Hà Tĩnh đưa bà con dân bản giao lưu với các bản dân tộc khác, từng bước hòa nhập với cộng đồng trên địa bàn huyện.

8. Kêu gọi các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm đầu tư, hỗ trợ kinh phí bảo tồn, phát triển đồng bào dân tộc trên địa bàn huyện nói chung và đồng bào dân tộc Chứt, bản rào tre nói riêng.

Phần thứ ba Đề xuất, kiến nghị

1. Ngoài các chính sách đã thực hiện như chính sách về đất ở, đất sản xuất nông lâm nghiệp; đề nghị Trung ương tiếp tục có sự quan tâm hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm), nhất là nhà ở kiên cố để bà con dân bản yên tâm định cư ổn định, phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

2. Tiếp tục ban hành một số chính sách hỗ trợ đặc thù cho đồng bào dân tộc thiểu số, giải quyết việc làm cho con em đồng bào dân tộc sau khi học tập ra trường.

3. Đề nghị các ngành, các cấp tiếp tục đồng hành quan tâm triển khai Đề án phát triển đồng bào dân tộc Chứt có hiệu quả nhằm từng bước nâng cao cuộc sống cho bà con dân tộc Chứt, bản Rào Tre, xã Hương Liên ..

Nơi nhận:

- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
 - Chánh VPUB;
 - Lưu: VT, DT.
- Gửi: Vb giấy và điện tử.

KT CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG



Nguyễn Duy Nghị